

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 449/2024/DS-PT
Ngày: 23-8-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Nguyễn Hữu Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số D, Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Loan T, sinh năm 1997

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm C - Luật sư của Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số G, đường T, Khu phố C, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số D, Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên bà Lê Thị Thu H cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1 vay tiền và mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 25/7/2016 bà H1 vay 185.000.000 đồng, có làm giấy tờ, lãi suất 1,3%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Sau đó, bà H1 xin gia hạn thêm 03 tháng, mục đích vay để làm ăn.

- Ngày 25/7/2016 bà H1 mượn 48.300.000 đồng, có làm giấy tờ, hạn 01 năm sau trả.

- Ngày 10/3/2017 bà H1 vay 50.000.000 đồng và mượn 10.000.000 đồng, có làm giấy tờ, lãi suất của số tiền vay 50.000.000 đồng là 1,2%/tháng, thời hạn vay tính từ ngày 26/01/2017 đến ngày 26/4/2017; thời hạn mượn của số tiền 10.000.000 từ ngày 26/01/2017 đến ngày 26/7/2017.

- Ngày 10/3/2017 bà H1 mượn 16.000.000 đồng, có làm giấy tờ, thời hạn mượn đến 25/5/2017.

- Ngày 24/01/2018 bà H1 mượn 10.808.000 đồng, có làm giấy tờ.

- Ngày 25/02/2019 bà H1 mượn 8.000.000 đồng, có làm giấy tờ.

Tổng số tiền mà bà H1 vay và mượn của bà H là 328.108.000 đồng. Từ khi vay tiền và mượn tiền đến nay bà H1 chưa trả tiền gốc và lãi. Do đó, bà H yêu cầu bà H1 trả số tiền này và không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà H1 thừa nhận có ký tên vào các giấy vay tiền và mượn tiền mà bà H trình bày. Tuy nhiên, bà H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Bởi lẽ, các khoản tiền vay và mượn này đã được giải quyết bằng Quyết định số: 27/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã có hiệu lực pháp luật. Tại quyết định nêu trên, các bên đã thỏa thuận chốt các khoản vay đến năm 2017. Đối với 02 biên nhận mượn tiền năm 2018 và 2019, thực chất đây là số

tiền lãi chứ không phải tiền mượn nên bà H1 cũng không đồng ý trả. Trước đây bà H1 có yêu cầu phản tố nhưng nay bà H1 rút lại yêu cầu này.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền 18.808.000 (Mười tám triệu tám trăm lẻ tám nghìn) đồng.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định số: 164/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/10/2023, nguyên đơn bà Lê Thị Thu H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 11/10/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy bỏ Quyết định số 164/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H là chị Nguyễn Thị L T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Lê Thị Thu H căn cứ vào các biên nhận vay tiền ngày 25/7/2016, ngày 10/3/2017, ngày 24/01/2018, ngày 25/02/2019 để yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả tổng số tiền vay là 328.108.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1 thừa nhận chữ ký trong các biên nhận mà bà H cung cấp là của bà. Tuy nhiên, bà H1 cho rằng số tiền bà H yêu cầu trả đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 27/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có hiệu lực pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được trong hồ sơ vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn bà Lê Thị Thu H với bị đơn ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thảo T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H1 nhận thấy: Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2022 của bà Lê Thị Thu H gửi cho Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre có nội dung *“Do quen biết với bà H1 và con trai của bà là ông P nên tôi có vay dùm cho bà H1, ông P mượn số tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng S vào ngày 15/2/2016. ... vì tôi là người đứng ra vay số tiền 150.000.000đ nên ngày 30/7/2017, tôi phải tự mình thanh toán cho Ngân hàng đủ số nợ gốc và lãi là 202.000.000đ (Hai trăm lẻ hai triệu đồng). Ngoài số tiền trên thì trong quá trình làm ăn, bà H1, ông P còn mượn của tôi nhiều lần với tổng số tiền là 285.427.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Tổng số tiền đã mượn của tôi là 487.427.000đ (bốn trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).”*. Tại Biên bản hòa giải ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thể hiện người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày *“Bà Lê Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có quan hệ vay tiền từ năm 2013 cho đến nay”*. Như vậy, tại thời điểm bà H khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 2022 bà H đã xác định tổng số tiền bà

H1, ông P vay của bà H là 487.427.000 đồng, không nêu ra khoản nợ nào khác. Sau đó các bên thỏa thuận thống nhất là bà H1, ông P, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền 400.000.000 đồng, được Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ghi nhận tại Biên bản hòa giải thành ngày 20/7/2022, sau đó ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số: 27/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022.

Trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 trả tiền vay của ngày 25/7/2016, ngày 10/3/2017, ngày 24/01/2018, ngày 25/02/2019 với tổng số tiền là 328.108.000 đồng, xét thấy những lần vay này đều trước thời điểm bà H khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, có cơ sở xác định tổng số tiền vay mà bà H yêu cầu bà H1 trả đã được giải quyết xong theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số: 27/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre nên yêu cầu khởi kiện của bà H không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà H là không có căn cứ nên không được chấp nhận, kháng cáo của bà H1 là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Do yêu cầu khởi kiện của bà H không được chấp nhận nên không phải phong tỏa tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre của bà H1 để đảm bảo thi hành án. Do đó, hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 164/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí, tuy nhiên bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Thu H phải chịu án phí, tuy nhiên bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí. Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Thu H.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Căn cứ các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả tổng số tiền vay là 328.108.000 đồng (Ba trăm hai mươi tám triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).

2. Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 164/2023/QĐ-BPKCTT ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu H được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.754.000 đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009852 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Thu H được miễn án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Phận